



CÔNG TY CỔ PHẦN XD HẠ TẦNG CII
185 HOA LAN, PHƯỜNG 2, PHÚ NHUẬN, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 2 NĂM 2017

TP.HỒ CHÍ MINH-2017



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

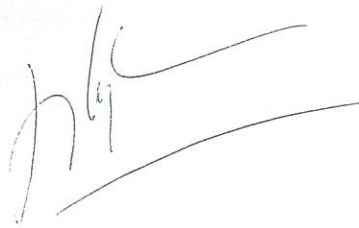
MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,298,959,937,759	1,093,459,794,646
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	1,499,367,999	27,225,375,665
1. Tiền	111		1,499,367,999	25,980,237,725
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1,245,137,940
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		161,001	161,001
1. Chứng khoán kinh doanh	121		161,001	161,001
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		929,509,345,850	724,358,120,000
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	2	236,395,587,645	215,165,928,270
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	3	154,231,575,139	208,363,247,690
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	12	412,229,211,046	175,070,876,025
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.a	128,954,093,642	128,059,189,637
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2,301,121,622)	(2,301,121,622)
IV. Hàng tồn kho	140		366,465,553,673	336,946,955,920
1. Hàng tồn kho	141	5	366,465,553,673	336,946,955,920
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,485,509,236	4,929,182,060
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6.a	120,773,964	142,083,741
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,364,735,272	4,787,098,319
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		328,210,193,910	124,305,771,848
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4,173,020,841	17,865,864,841
5. Phải thu dài hạn khác	216	4.b	4,173,020,841	17,865,864,841
II. Tài sản cố định	220		39,125,705,988	26,757,478,806
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	9,297,369,623	6,846,839,461
- Nguyên giá	222		24,714,320,070	21,066,138,252
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15,416,950,447)	(14,219,298,791)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	8	29,783,368,339	19,855,671,319
- Nguyên giá	225		33,309,876,347	21,672,603,620
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3,526,508,008)	(1,816,932,301)
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	44,968,026	54,968,026
- Nguyên giá	228		160,000,000	160,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(115,031,974)	(105,031,974)
III. Bất động sản đầu tư	230	10	4,997,156,733	5,284,084,812
- Nguyên giá	231		5,836,987,368	6,879,035,896
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(839,830,635)	(1,594,951,084)
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	11	255,410,000,000	57,410,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		135,410,000,000	57,410,000,000
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		120,000,000,000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		24,504,310,348	16,988,343,389
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6.b	24,504,310,348	16,988,343,389
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,627,170,131,669	1,217,765,566,494

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1,116,874,763,036	752,673,986,514
I. Nợ ngắn hạn	310		1,095,752,414,631	741,861,661,775
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	97,903,132,615	59,171,424,551
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	250,922,586,316	126,531,678,934
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	6,016,238,497	3,224,482,537
4. Phải trả người lao động	314		1,832,644,989	1,906,486,113
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2,083,403,367	1,483,386,683
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	7,800,000,000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	215,986,265,932	46,740,221,190
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17.a	521,008,142,915	495,003,981,767
II. Nợ dài hạn	330		21,122,348,405	10,812,324,739
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17.b	21,122,348,405	10,812,324,739
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		510,295,368,633	465,091,579,980
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	510,295,368,633	465,091,579,980
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		415,000,000,000	415,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		415,000,000,000	415,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		400,000,000	400,000,000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		6,491,138,089	6,491,138,089
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		88,404,230,544	43,200,441,891
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		43,200,441,891	538,776,665
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		45,203,788,653	42,661,665,226
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,627,170,131,669	1,217,765,566,494



Nguyễn Thị Khánh Phương
Người lập biểu
Ngày 18 tháng 07 năm 2017



Bùi Xuân Phước
Kế toán trưởng



Phạm Vũ Thức
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HÀ TẮNG CII
185 đường Hoa Lan, phường 2, quận Phú Nhuận,
thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 04 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ II		Lũy kế từ 01/01 đến 30/06	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1	270,257,184,474	255,235,253,884	333,698,046,327	364,413,507,501
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	1	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	1	270,257,184,474	255,235,253,884	333,698,046,327	364,413,507,501
4. Giá vốn hàng bán	11	2	229,581,462,587	229,724,522,996	285,222,883,119	322,501,014,059
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		40,675,721,887	25,510,730,888	48,475,163,208	41,912,493,442
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3	8,854,890,780	9,265,216,988	35,399,113,175	24,808,298,690
7. Chi phí tài chính	22	4	14,543,254,592	10,739,188,395	20,796,454,978	17,886,168,026
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12,459,851,225	10,739,188,395	18,713,051,611	17,886,168,026
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5	5,981,279,159	4,686,035,252	10,928,292,702	7,580,506,811
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29,006,078,916	19,350,724,229	52,149,528,703	41,254,117,295
11. Thu nhập khác	31	6	38,516,582	31,820,160	38,516,582	31,820,160
12. Chi phí khác	32	7	676,124,097	669,069,045	733,138,478	401,763,274
13. Lợi nhuận khác	40		(637,607,515)	(637,248,885)	(694,621,896)	(369,943,114)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28,368,471,401	18,713,475,344	51,454,906,807	40,884,174,181
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	8	6,182,428,196	3,561,044,331	6,251,118,154	6,151,228,882
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22,186,043,205	15,152,431,013	45,203,788,653	34,732,945,299



[Handwritten signature]

Bùi Xuân Phước
Kế toán trưởng

[Handwritten signature]

Nguyễn Thị Khánh Phương
Người lập biểu
Ngày 18 tháng 07 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	51,454,906,807	40,884,174,181
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2,921,599,864	3,007,012,545
Các khoản dự phòng	03	-	2,597,999
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(35,063,557,597)	(24,808,298,690)
Chi phí lãi vay	06	20,796,454,978	17,886,168,026
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	40,109,404,052	36,971,654,061
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(1,931,727,518)	(42,075,697,909)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(29,518,597,753)	64,288,411,908
(Giảm)/tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	136,058,369,386	(83,918,719,900)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(7,494,657,182)	(1,866,800,444)
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(19,723,315,702)	(22,715,138,658)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3,326,449,633)	(21,696,130,283)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(350,666,666)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	114,173,025,650	(71,363,087,891)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(669,250,000)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(354,000,000,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2,483,030,439	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4,385,518,724	23,556,936,455
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(347,131,450,837)	22,887,686,455
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền thu từ đi vay	33	937,681,016,670	829,189,230,098
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(724,630,495,477)	(574,131,427,103)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(5,818,103,672)	(2,098,259,406)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(8,420,425,949)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	207,232,417,521	244,539,117,640
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(25,726,007,666)	196,063,716,204
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	27,225,375,665	179,010,304,540
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1,499,367,998	375,074,020,744

Nguyễn Thị Khánh Phương
Người lập biểu
Ngày 18 tháng 07 năm 2017

Bùi Xuân Phước
Kế toán trưởng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Xây Dựng Hạ Tầng CII (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304200346 cấp lần đầu ngày 19 tháng 1 năm 2006 bởi Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và qua các lần thay đổi.

Vốn điều lệ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 415 tỷ VND, được chia thành 41,5 triệu cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Xây dựng và dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng, kinh doanh, chuyển giao công nghệ công trình giao thông theo hình thức hợp đồng B.O.T;
- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; công trình công ích;
- Tư vấn kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Sản xuất vật liệu xây dựng, gia công dầm cầu thép, cầu kiện thép, sản phẩm cơ khí khác (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất bê tông và các thành phẩm từ xi măng, thạch cao (không hoạt động tại trụ sở);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị thi công (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Cung ứng các loại vật tư, thiết bị giao thông vận tải;
- Xây dựng cơ sở kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp, cụm dân cư và đô thị;
- Tư vấn môi giới đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.
- Nuôi trồng thủy sản biển; trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp (không hoạt động tại trụ sở);
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Tư vấn về môi trường, tư vấn về công nghệ;
- Khai thác, xử lý nước;
- Thu gom, xử lý, tiêu hủy rác thải độc hại và không độc hại;
- Tái chế phế liệu;
- Bán buôn đồ điện gia dụng; đèn và bộ đèn điện;
- Lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Sản xuất đồ điện dân dụng, thiết bị điện khác (không hoạt động tại trụ sở);
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1. Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	100%	100%	Khai thác, sản xuất kinh doanh các loại đất, đá
2. Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
3. Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Xây dựng công trình kỹ thuật
4. Công ty CP Cơ khí-Điện Lữ Gia	Tp. Hồ Chí Minh	99.81%	99.81%	Lắp đặt hệ thống điện; sản xuất, bán buôn, sửa chữa thiết bị điện

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TRONG TRƯỜNG HỢP DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các Công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh theo ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là các khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ tài chính về việc sửa đổi bổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản khấu hao tài sản cố định, tài sản cố định thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Số năm
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	03 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 10

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phân lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của phần mềm máy tính, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành

7. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính riêng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành.

Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

12. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	154,220,349	922,285
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1,345,147,650	25,979,315,440
Các khoản tương đương tiền	-	1,245,137,940
Cộng	1,499,367,999	27,225,375,665

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	18,547,617,040	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	85,651,937,167	49,018,200,071
Công ty CP Hạ tầng nước Sài Gòn	39,933,292,594	73,620,073,257
Ban Quản Lý Dự án Đường Hồ Chí Minh	14,847,188,802	17,579,940,802
Công ty TNHH Xây Dựng Nền Móng Tam Đạt	5,167,141,868	9,080,796,341
Ban Quản Lý Dự án Giao Thông Nông Thôn Vĩnh Long	3,359,003,754	6,359,003,754
Công ty CP ĐTXD & TM 592	7,002,023,268	7,002,023,268
Công ty TNHH MTV XD Dân Dụng CII E&C	26,388,359,994	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Tuấn Lộc	8,700,631,144	-
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Hạ Tầng VRG	6,422,419,455	-
Phải thu các khách hàng khác	<u>20,375,972,559</u>	<u>52,505,890,777</u>
Cộng	<u>236,395,587,645</u>	<u>215,165,928,270</u>

Trong đó, phải thu các bên liên quan:

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn	39,933,292,594	73,620,073,257
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	85,651,937,167	49,018,200,071
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C	3,281,394,963	1,958,994,963
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	18,547,617,040	666,037,105
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Xây Dựng Ninh Thuận	1,280,288,994	1,280,288,994
Công ty TNHH MTV XD Dân Dụng CII E&C	26,388,359,994	-
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	732,240,000	840,000,000
Công ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia	5,700,000	-
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Hạ Tầng VRG	6,422,419,455	-
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Cầu Sài Gòn	<u>475,696,190</u>	<u>475,696,190</u>
Cộng	<u>182,718,946,397</u>	<u>127,859,290,580</u>

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592	25,744,135,565	26,927,270,540
Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng CII E&C	58,456,858,594	51,308,947,077
Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C	-	74,898,875,000
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	28,228,270,297	20,928,270,297
Công ty TNHH Xây Dựng Nền Móng Tam Đạt	29,583,435,037	24,078,730,487
Các đối tượng khác	<u>12,218,875,646</u>	<u>10,221,154,289</u>
Cộng	<u>154,231,575,139</u>	<u>208,363,247,690</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Trong đó, trả trước cho người bán là các bên liên quan

Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	28,228,270,297	20,928,270,297
Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng CII E&C	58,456,858,594	51,308,947,077
Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C	-	74,898,875,000
Công ty CP Đầu tư Cầu đường CII	35,550,000	35,550,000
Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Lữ Gia	-	2,553,351,450
Cộng	86,720,678,891	149,724,993,824

4. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn		
Tạm ứng vốn cho các đội thi công các công trình xây dựng	58,616,673,452	33,148,333,927
Góp vốn hợp tác kinh doanh	711,872,739	1,091,362,698
Ký cược, ký quỹ	31,150,560,506	1,450,560,506
Trả trước tiền mua cổ phần (i)	-	78,000,000,000
Phải thu người lao động	1,180,641,749	762,604,798
Thuế GTGT chờ kê khai của TSCĐ thuê tài chính	2,416,050,570	1,729,365,226
Phải thu về lãi tiền gửi	93,373,333	166,411,559
Cổ tức, lợi nhuận phải thu	4,025,006,701	2,599,994,417
Phải thu chi phí sử dụng vốn	1,433,333,333	-
Phải thu lãi hợp tác đầu tư	15,000,000,000	-
Phải thu các công ty thi công QL1 NT	8,591,459,214	7,387,740,349
Các khoản phải thu khác	5,735,122,045	1,722,816,157
	128,954,093,642	128,059,189,637
b. Phải thu dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	4,173,020,841	17,865,864,841
	4,173,020,841	17,865,864,841
Cộng	133,127,114,483	145,925,054,478

Trong đó, phải thu các bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	15,000,000,000	78,000,000,000
Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng CII E&C	91,927,988	-
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	4,001,486,701	2,576,474,417
	19,093,414,689	80,576,474,417

5. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	57,308,679,747	60,278,358,363
Chi phí dở dang các công trình xây dựng	309,156,873,926	276,668,597,557
Cộng giá gốc hàng tồn kho	366,465,553,673	336,946,955,920
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	366,465,553,673	336,946,955,920

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn	120,773,964	142,083,741
Chi phí thuê tài sản trả trước	41,220,900	41,220,900
Chi phí bảo hiểm trả trước	-	-
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	79,553,064	100,862,841
	-	-
a. Dài hạn	24,504,310,348	16,988,343,389
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	14,972,395,716	4,279,123,880
Chênh lệch giữa giá trị còn lại và giá trị thanh lý của TSCĐ bán và thuê lại theo hợp đồng thuê tài chính	2,255,639,318	3,007,519,091
Chi phí thuê thiết bị chờ phân bổ	7,276,275,314	9,701,700,418
Cộng	24,625,084,312	17,130,427,130

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2017	10,721,230,800	9,608,607,452	736,300,000	21,066,138,252
Mua trong năm	-	3,701,181,818	-	3,701,181,818
Thanh lý trong năm	-	-	(53,000,000)	(53,000,000)
Tại ngày 30/06/2017	10,721,230,800	13,309,789,270	683,300,000	24,714,320,070
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2017	8,303,016,935	5,456,072,871	460,208,985	14,219,298,791
Khấu hao trong năm	620,585,397	536,847,741	44,591,019	1,202,024,157
Thanh lý trong năm	-	-	(4,372,500)	(4,372,500)
Tại ngày 30/06/2017	8,923,602,332	5,992,920,612	500,427,504	15,416,950,447
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2017	2,418,213,865	4,152,534,581	276,091,015	6,846,839,461
Tại ngày 30/06/2017	1,797,628,468	7,316,868,658	182,872,496	9,297,369,623

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Máy móc thiết bị

	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2017	21,672,603,620
Thuê trong năm	11,637,272,727
Tại ngày 30/06/2017	33,309,876,347
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2017	1,816,932,301
Khấu hao trong năm	1,709,575,707
Tại ngày 30/06/2017	3,526,508,008
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2017	19,855,671,319
Tại ngày 30/06/2017	29,783,368,339

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Phần mềm vi tính

	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2017	160,000,000
Mua trong năm	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-
Phân loại lại sang công cụ dụng cụ	-
Tại ngày 30/06/2017	160,000,000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2017	105,031,974
Khấu hao trong năm	10,000,000
Tại ngày 30/06/2017	115,031,974
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2017	54,968,026
Tại ngày 30/06/2017	44,968,026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Giá trị nhà trên đất VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2017	5,836,987,368	1,042,048,528	6,879,035,896
Ghi giảm trong kỳ		(1,042,048,528)	(1,042,048,528)
Tại ngày 30/06/2017	5,836,987,368	-	5,836,987,368
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2017	839,830,635	755,120,449	1,594,951,084
Ghi giảm trong kỳ		(755,120,449)	(755,120,449)
Tại ngày 30/06/2017	839,830,635	-	839,830,635
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2017	4,997,156,733	286,928,079	5,284,084,812
Tại ngày 30/06/2017	4,997,156,733	-	4,997,156,733

Giá trị căn nhà trên đất và thửa đất số 9 ở địa chỉ số 29/3 đường D2, phường 2, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Lô đất có thời hạn sử dụng là 50 năm (đến hết ngày 19/01/2056) theo Quyết định 1218/QĐ-UBND ngày 18 tháng 03 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
1. Đầu tư vào công ty con	135,410,000,000		57,410,000,000	
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	40,000,000,000	-	40,000,000,000	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C	7,410,000,000		7,410,000,000	
Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng CII E&C	10,000,000,000		10,000,000,000	
Công ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia (i)	78,000,000,000		-	
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	120,000,000,000		-	
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng XLHN (ii)	120,000,000,000		-	
Cộng	255,410,000,000		57,410,000,000	

(i) Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển giao quyền sở hữu công ty con là Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia vào ngày 01 tháng 01 năm 2017, vốn góp của Công ty CII E&C tại Công ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia là 78,000,000,000 VND, chiếm tỷ lệ 99.81%.

(ii) Vào ngày 19 tháng 5 năm 2017, Công ty CII EC đã mua trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội với tổng giá trị là 120.000.000.000 đồng bao gồm 120 trái phiếu, mệnh giá mỗi trái phiếu là 1 tỷ đồng, kỳ hạn trái phiếu là 5 năm (đáo hạn ngày 19 tháng 5 năm 2022) theo lãi suất thả nổi, 3 tháng điều chỉnh 1 lần bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng dành cho cá nhân được công bố bởi Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam + biên độ 3.2%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu về cho vay là các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh-vốn gốc	406,512,627,959	174,995,658,398
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh-lãi	5,716,583,087	75,217,627
	412,229,211,046	175,070,876,025

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND
Công ty Cổ phần ROADCO	6,023,462,821	6,023,462,821	3,390,807,713	3,390,807,713
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Vật tư Quốc Linh	484,147,802	484,147,802	2,704,877,336	2,704,877,336
Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C	33,073,755,057	33,073,755,057	-	-
Công ty Cổ phần BeTon 6	-	-	2,301,444,600	2,301,444,600
Công ty TNHH XD Fico Corea	6,309,804,405	6,309,804,405	6,092,689,472	6,092,689,472
Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại An Phú Thành	-	-	9,227,568,100	9,227,568,100
Công ty CP Đầu tư Xây dựng BMT	11,027,637,022	11,027,637,022	6,620,111,558	6,620,111,558
Công ty CP Kỹ thuật Enviro	22,528,305,086	22,528,305,086	12,503,702,630	12,503,702,630
Các nhà cung cấp khác	18,456,020,422	18,456,020,422	16,330,223,142	16,330,223,142
Cộng	97,903,132,615	97,903,132,615	59,171,424,551	59,171,424,551

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	233,321,729,104	117,284,531,428
<i>Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật Thành phố Hồ Chí Minh</i>	<i>114,805,956,702</i>	<i>113,777,119,094</i>
<i>Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Xa Lộ Hà Nội</i>	<i>118,515,772,402</i>	<i>3,507,412,334</i>
Các đối tượng khác	17,600,857,212	9,247,147,506
Cộng	250,922,586,316	126,531,678,934

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	30/06/2017 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,581,480,532	6,251,118,154	3,326,449,633	5,506,149,053
Thuế thu nhập cá nhân	643,002,005	497,637,812	630,550,373	510,089,444
Cộng	3,224,482,537	6,748,755,966	3,957,000,006	6,016,238,497

**16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC
PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Bảo hiểm xã hội	217,878,914	1,500,459,174
Bảo hiểm y tế	38,550,679	85,581,500
Bảo hiểm thất nghiệp	17,349,878	37,590,148
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	11,962,113	11,962,113
Phải trả về mua cổ phần	410,000,000	1,410,000,000
Phải trả lãi vay	542,567,036	69,444,444
Phải trả về vốn gốc hỗ trợ kinh doanh	183,719,232,707	-
Phải trả các đội giao khoán thi công các công trình xây dựng	10,939,494,846	19,150,275,544
Phải trả các Công ty thi công Quốc lộ 1 tỉnh Ninh Thuận	19,499,026,442	23,842,307,577
Các khoản phải trả, phải nộp khác	590,203,317	632,600,690
Cộng	215,986,265,932	46,740,221,190

Trong đó, phải trả các bên liên quan

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh- vốn hợp tác kinh doanh	183,719,232,707	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh- lãi hợp tác kinh doanh	473,122,592	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII
185 đường Hoa Lan, phường 2, quận Phú Nhuận,
thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	30/06/2017		01/01/2017	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND
a. Ngắn hạn				
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 11, TP. Hồ Chí Minh (i)	25,174,158,858	25,174,158,858	137,737,409,423	137,737,409,423
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ii)	118,744,716,820	118,744,716,820	60,000,000,000	60,000,000,000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long (iii)	373,762,140,992	373,762,140,992	290,612,318,761	290,612,318,761
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	3,327,126,245	3,327,126,245	3,327,127,338	6,654,253,583
Cộng	521,008,142,915	521,008,142,915	491,676,855,522	495,003,981,767

b. Dài hạn				
Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	27,776,601,988	27,776,601,988	2,490,976,334	17,466,578,322
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(6,654,253,583)	(6,654,253,583)	-	(6,654,253,583)
Cộng	21,122,348,405	21,122,348,405	2,490,976,334	10,812,324,739

(i) Số dư nợ vay ngắn hạn cuối kỳ là khoản vay theo hợp đồng tín dụng ký ngày 28 tháng 04 năm 2016 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh 11, thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức vay là 150.000.000.000 VND, thời hạn của mỗi khoản vay là không quá 6 tháng. Lãi suất cho vay của các khoản vay là 7.5%/năm và được điều chỉnh định kỳ mỗi tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền nợ của các công trình xây dựng mà Công ty đã sử dụng vốn vay để thi công

(ii) Số dư nợ vay ngắn hạn cuối kỳ là khoản vay theo hợp đồng tín dụng ký ngày 6 tháng 1 năm 2015 và phụ lục hợp đồng ngày 15 tháng 08 năm 2016 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức vay 120.000.000.000 VND, thời hạn của mỗi khoản vay là không quá 12 tháng, số dư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

nợ vay sẽ đáo hạn vào ngày 16 tháng 05 năm 2017. Lãi suất cho vay được quy định cụ thể theo từng mức nợ tuy nhiên không thấp hơn lãi suất ưu đãi của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh quy định theo từng thời kỳ. Lãi suất đang áp dụng cho nợ vay là 7.5%/năm. Mục đích của khoản vay là bảo lãnh và phát hành thư tín dụng để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của CII E&C với bên thứ 3. Công ty sử dụng tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tương đương trị giá 15.000.000.000 VND để đảm bảo cho khoản vay này.

(iii) Số dư nợ vay ngân hàng cuối kỳ là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 001/2017/745412/HETD ngày 10/03/2017 với hạn mức cho vay ngắn hạn là 500.000.000.000 VND, hạn mức dư nợ vay và bảo lãnh tối đa là 300.000.000 VND giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Vĩnh Long Thời hạn và lãi suất cho vay được quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Công ty sử dụng quyền sử dụng đất và nhà văn phòng cho thuê tại số 29/3, đường D2, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, hệ thống đúc hẫng, xe ô tô Honda (CRV) mang BS 51A-835.2, xe ô tô Ford (RANGER) mang BS 51C-394.48 và xe ô tô Hyundai (SANTAFE) BS 51A-856.54 để đảm bảo cho khoản vay này

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	400,000,000,000	400,000,000	1,846,985,965	1,261,895,111	403,508,881,076
Lợi nhuận trong năm				53,457,016,233	53,457,016,233
Tăng vốn trong năm	15,000,000,000				15,000,000,000
Chia cổ tức				(723,118,446)	(723,118,446)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi				(5,800,532,217)	(5,800,532,217)
Trích quỹ đầu tư phát triển			4,644,152,124	(4,644,152,124)	(4,644,152,124)
Thù lao cho HĐQT				(350,666,666)	4,293,485,458
Tại ngày 01/01/2017	415,000,000,000	400,000,000	6,491,138,089	43,200,441,891	465,091,579,980
Tăng vốn trong năm					
Lợi nhuận trong năm				45,203,788,653	45,203,788,653
Tại ngày 30/06/2017	415,000,000,000	400,000,000	6,491,138,089	88,404,230,544	510,295,368,633

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII
185 đường Hoa Lan, phường 2, quận Phú Nhuận,
thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tên cổ đông	30/06/2017		01/01/2017	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	51.00%	211,651,120,000	49.00%	203,350,000,000
Các cổ đông khác	49.00%	203,348,880,000	51.00%	211,650,000,000
Cộng	100%	415,000,000,000	100%	415,000,000,000
		30/06/2017		01/01/2017
		Cổ phần		Cổ phần
Số lượng cổ phần đang ký phát hành		41,500,000		41,500,000
Số lượng cổ phần đã phát hành ra công chúng		41,500,000		41,500,000
+ Cổ phần phổ thông		41,500,000		41,500,000
Số lượng cổ phần đã mua lại (cổ phiếu quỹ)		-		-
+ Cổ phần phổ thông		-		-
Số lượng cổ phần đang lưu hành		41,500,000		41,500,000
+ Cổ phần phổ thông		41,500,000		41,500,000
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu từ hoạt động xây dựng	297,711,140,077	350,620,656,226
Doanh thu bán hàng	24,741,059,052	8,641,333,094
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	11,245,847,198	5,151,518,181
Cộng	333,698,046,327	364,413,507,501
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán trả lại	-	-
Doanh thu thuần	333,698,046,327	364,413,507,501

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Giá vốn hoạt động xây dựng	255,335,518,132	311,784,420,268
Giá vốn hàng đã bán	19,801,072,992	6,714,032,852
Giá vốn của dịch vụ	10,086,291,995	4,002,560,939
Cộng	285,222,883,119	322,501,014,059

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11,933,440,809	14,011,838,977
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1,045,522,325	10,796,459,713
Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư	22,420,150,041	-
Cộng	35,399,113,175	24,808,298,690

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí lãi vay	19,991,745,446	17,357,998,308
Lãi phải trả nợ thuê tài chính	804,709,532	528,169,718
Cộng	20,796,454,978	17,886,168,026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	5,834,059,294	4,203,507,559
Chi phí đồ dùng văn phòng	105,995,226	186,464,059
Chi phí khấu hao	469,667,553	302,876,620
Chi phí công tác, tiếp khách	940,554,260	965,253,894
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	1,382,628,733
Chi phí bằng tiền khác	3,578,016,369	539,775,946
Cộng	10,928,292,702	7,580,506,811

6. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	-
Xử lý các khoản nợ phải trả	31,148,400	1,978
Thu nhập khác	7,368,182	31,818,182
Cộng	38,516,582	31,820,160

7. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Các khoản phạt thuế	552,786,145	640,329,506
Phạt vi phạm giao thông	34,000,000	12,000,000
Các khoản phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội	20,703,899	(250,566,232)
Chi phí thanh lý TSCD	88,837,952	-
Các khoản chi phí khác không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh	36,810,482	-
Cộng	733,138,478	401,763,274

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	51,454,906,807	40,884,174,181
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Chi phí không được trừ	644,300,526	668,429,940
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(24,225,012,284)	(10,796,459,713)
Thu nhập chịu thuế	27,874,195,049	30,756,144,408
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	5,574,839,010	6,151,228,882
Thuế TNDN, GTGT, TNCN truy thu năm 2016	676,279,144	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6,251,118,154	6,151,228,882

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C	Công ty con
Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C	Công ty con
Công ty CP Cơ khí-Điện Lữ Gia	Công ty con
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Xa Lộ Hà Nội	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Cầu Sài Gòn	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Xây Dựng Ninh Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty CP Kỹ thuật Enviro	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Hạ Tầng	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Đầu tư Hạ tầng VRG	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Công ty trong cùng tập đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Số dư với các bên liên quan

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Các khoản phải thu		
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi:		
<i>Ứng trước tiền mua đá Granite</i>	28,228,270,297	20,928,270,297
<i>Lợi nhuận được chia từ công ty con</i>	4,001,486,701	2,576,474,417
<i>Cho thuê thiết bị</i>	732,240,000	840,000,000
Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Xa Lộ Hà Nội:		
<i>Mua trái phiếu</i>	120,000,000,000	-
<i>Lãi phát sinh từ mua trái phiếu</i>	1,433,333,333	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh		
<i>Phải thu thi công</i>	11,332,527	11,332,527
<i>Phải thu vốn hợp tác đầu tư thi công dự án-gốc</i>	406,512,627,959	174,995,658,398
<i>Phải thu vốn hợp tác đầu tư thi công dự án-lãi</i>	5,716,583,087	75,217,627
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận: <i>Phải thu khối lượng thi công công trình mở rộng tuyến tránh Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận- giai đoạn 2 và trạm thu phí cà ná</i>	18,547,617,040	666,037,105
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Xây Dựng Ninh Thuận: <i>Phải thu khối lượng thi công xây dựng trạm thu phí Thành Hải</i>	1,280,288,994	1,280,288,994
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Cầu Sài Gòn: <i>Phải thu khối lượng thi công xây dựng cầu Sài Gòn</i>	475,696,190	475,696,190
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII:		
<i>Trả trước tiền mua cổ phần của Công ty CP Cơ khí điện Lữ gia</i>	-	78,000,000,000
<i>Ứng trước tiền mua giá long môn</i>	35,550,000	35,550,000
<i>Phải thu lãi hợp tác đầu tư</i>	15,000,000,000	-
Công ty CP Hạ tầng Nước Sài Gòn: <i>Phải thu thi công tuyến ống Củ Chi</i>	39,933,292,594	73,620,073,257
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C:		
<i>Tạm ứng tiền mua vật tư</i>	58,456,858,594	51,308,947,077
<i>Phải thu thanh lý TSCĐ</i>	-	1,958,994,963
<i>Phải thu bán vật tư</i>	2,958,994,963	-
<i>Phải thu cho thuê thiết bị</i>	322,400,000	-
<i>Phải thu khoản chi hộ</i>	91,927,988	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C:		
<i>Phải thu thanh lý TSCĐ</i>	1,136,707,201	-
<i>Phải thu bán vật tư</i>	17,394,998,533	-
<i>Phải thu cho thuê thiết bị</i>	7,856,654,260	-
<i>Tạm ứng chi phí thi công CT</i>	-	74,898,875,000
Công ty Cổ phần Cơ khí- Điện Lữ gia:		
<i>Phải thu cho thuê thiết bị</i>	5,700,000	-
<i>Thi công hệ thống an toàn giao thông</i>	-	2,553,351,450

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng: <i>Tạm ứng vốn thi công</i>	-	16,500,000
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm: <i>Phải thu thi công dự án Thủ Thiêm</i>	85,651,937,167	49,018,200,071
Công ty Đầu tư Hạ tầng VRG: <i>Khối lượng thi công xây lắp công trình DT 741</i>	6,422,419,455	-
Các khoản phải trả		
Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Xa Lộ Hà Nội: <i>Nhận ứng trước khối lượng thi công xây lắp các gói thầu dự án mở rộng Xa Lộ Hà Nội</i>	118,515,772,402	3,507,412,334
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh <i>Ứng trước vốn thi công CT Thủ Thiêm</i>	114,817,289,229	113,788,451,621
<i>Phải trả vốn hợp tác đầu tư (hđồng 98/2012)-gốc</i>	2,405,343,818	-
<i>Phải trả vốn hợp tác đầu tư (hđồng 98/2012)-lãi</i>	2,806,234	-
<i>Phải trả vốn hợp tác đầu tư (hđồng 18/2017)-gốc</i>	181,313,888,889	-
<i>Phải trả vốn hợp tác đầu tư (hđồng 18/2017)-lãi</i>	470,316,358	-
Công ty CP Hạ tầng Nước Sài Gòn: <i>Phí dịch vụ khắc phục sự cố</i>	-	12,843,000
Công ty CP Kỹ thuật Enviro: <i>Phải trả mua ống và phụ kiện</i>	22,528,305,086	12,503,702,630
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng: <i>phải trả phí vệ sinh mặt đường</i>	320,345,000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí- Điện Lữ gia: <i>phải trả phí di dời trạm thu phí</i>	1,392,263,250	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C: <i>phải trả thi công công trình Thủ Thiêm</i>	33,073,755,057	-
Công ty Đầu tư Hạ tầng VRG: <i>Khối lượng thi công xây lắp công trình DT 741</i>	-	3,500,000,000
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu : <i>Khối lượng thi công dự án QL60</i>	12,101,800,206	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Nghiệp vụ với các bên liên quan

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh		
<i>Nhận vốn hợp tác đầu tư thi công dự án từ công ty mẹ theo hợp đồng 98/HĐHTĐT-CII</i>	220,000,000,000	304,400,000,000
<i>Hoàn trả vốn hợp tác đầu tư thi công dự án cho công ty mẹ theo hợp đồng 98/HĐHTĐT-CII</i>	217,594,656,182	335,766,138,740
<i>Hỗ trợ vốn hợp tác đầu tư cho công ty mẹ theo hợp đồng 41/2016</i>	234,000,000,000	-
<i>Công ty mẹ hoàn trả vốn hợp tác đầu tư theo hợp đồng 41/2016</i>	2,483,030,439	-
<i>Nhận vốn hợp tác đầu tư thi công dự án từ công ty mẹ theo hợp đồng 18/2017</i>	200,000,000,000	-
<i>Hoàn trả vốn hợp tác đầu tư thi công dự án cho công ty mẹ theo hợp đồng 18/2017</i>	18,686,111,111	-
<i>Chi phí sử dụng vốn phải trả cho công ty mẹ theo hợp đồng 98/HĐHTĐT-CII</i>	408,150,052	6,534,522,552
<i>Trả chi phí sử dụng vốn cho công ty mẹ theo hợp đồng 98/HĐHTĐT-CII</i>	405,343,818	11,832,596,880
<i>Chi phí sử dụng vốn phải trả cho công ty mẹ theo hợp đồng 18/2017</i>	1,784,205,247	-
<i>Trả chi phí sử dụng vốn cho công ty mẹ theo hợp đồng 18/2017</i>	1,313,888,889	-
<i>Chi phí sử dụng vốn phải thu từ công ty mẹ theo hợp đồng 41/2016</i>	9,158,335,021	-
<i>Thu chi phí sử dụng vốn từ công ty mẹ theo hợp đồng 41/2016</i>	3,516,969,561	-
<i>Chuyển tiền cổ tức</i>	-	8,000,000,000
<i>Nhận vốn thi công dự án Thủ Thiêm</i>	1,028,837,608	178,443,097,222
<i>Doanh thu thi công dự án Thủ Thiêm</i>	-	197,321,158,857
<i>Điều chỉnh cổ tức phải trả năm 2015</i>	-	717,817,241
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội		
<i>Thu tiền khối lượng thi công xây lắp các gói thầu dự án mở rộng Xa Lộ Hà Nội</i>	166,710,465,018	60,653,901,728
<i>Doanh thu xây lắp các gói thầu dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội</i>	47,001,913,590	58,349,472,425
<i>Mua trái phiếu</i>	120,000,000,000	-
<i>Lãi phát sinh từ mua trái phiếu</i>	1,433,333,333	-
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận:		
<i>Thu tiền khối lượng thi công công trình mở rộng Quốc lộ 1A</i>	10,918,582,259	94,511,633,373
<i>Doanh thu xây lắp công trình mở rộng Quốc lộ 1A</i>	9,152,737,313	38,748,231,342

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

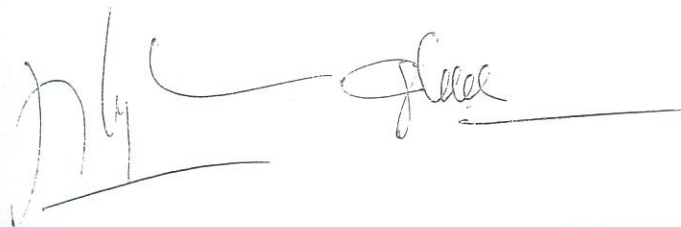
Doanh thu xây lắp công trình mở rộng Quốc lộ 1A	9,152,737,313	38,748,231,342
Chuyển tiền thực hiện công trình Trạm thu phí Cà Ná	-	1,071,452,705
Thu tiền khối lượng thi công trạm thu phí Cà Ná	8,230,102,261	18,455,590,185
Doanh thu xây lắp Trạm thu phí Cà Ná	24,511,139,464	
Công ty CP Hạ tầng Nước Sài Gòn:		
Doanh thu thi công dự án Củ Chi	11,792,296,671	26,694,959,209
Thu tiền khối lượng thi công dự án Củ Chi giai đoạn 1	-	13,805,539,970
Thu tiền khối lượng thi công dự án Củ Chi giai đoạn 2	46,645,464,000	
Thanh toán tiền khắc phục sự cố	12,843,000	
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
Doanh thu thi công	174,870,652,107	-
Thu tiền thi công dự án Thủ Thiêm	155,723,980,223	-
Công ty Đầu tư Hạ tầng VRG:		
Doanh thu thi công	25,129,122,424	-
Thu tiền thi công dự án DT 741	17,719,615,211	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		
Doanh thu thi công dự án QL60	5,253,278,508	-
Thu tiền thi công dự án QL60	17,880,406,565	-
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi:		
Ứng trước tiền mua đá Granite	7,300,000,000	41,451,960,000
Công ty NBB hoàn trả lại tiền ứng mua đá Granite theo hợp đồng 95/HĐKT	-	14,151,960,000
Nhập kho đá granite	-	13,270,065,378
Doanh thu cấp phát bảo hộ lao động	-	31,818,182
Lợi nhuận được chia từ đầu tư	1,425,012,284	2,996,459,713
Thu tiền lợi nhuận được chia từ đầu tư	-	4,095,387,605
Thi công bốc tầng phủ	-	14,005,137,273
Doanh thu cho thuê thiết bị	1,620,218,182	4,587,272,727
Thu tiền thi công bốc tầng phủ và cho thuê thiết bị	1,890,000,000	19,101,651,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII:		
Phải thu lãi hợp tác đầu tư	15,000,000,000	-
Thu tiền chi phí sử dụng vốn	-	7,800,000,000
Chuyển sang đầu tư vào công ty con LGC	78,000,000,000	-
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C:		
Tạm ứng tiền mua vật tư	97,480,782,735	-
Vay chuyển tiền mua vật tư	165,797,545,444	-
Công ty VLXD CII E& C hoàn trả lại tiền	161,442,667,444	-
Nhập kho vật tư	86,458,906,153	-
Cho thuê thiết bị	1,202,181,817	-
Phải thu tiền chi hộ điện nước	91,927,988	-
Công ty VLXD CII EC nhận nợ các công ty	417,047,548	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C:		
Tạm ứng chi phí thi công CT	43,413,983,703	-
Công ty XDDD CII E&C hoàn trả lại vốn thi công	101,000,000,000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Cty XDDD chuyển trả lại tiền	162,307,869,200	-
Doanh thu bán vật tư	15,813,635,030	-
Doanh thu cho thuê thiết bị	7,142,412,963	-
Thanh lý tài sản	1,033,370,183	-
Chi phí thi công lộ 3.1 Thủ Thiêm	45,806,012,509	-
Công ty CP Kỹ thuật Enviro:		
Thanh toán tiền mua ống và phụ kiện giai đoạn 2	-	-
Thu lại tiền mua ống và phụ kiện	-	-
Nhập kho ống và phụ kiện	9,113,274,960	-
Công ty Cổ phần Cơ khí- Điện Lữ gia:		
Chi phí di dời trạm thu phí	3,586,922,455	-
Thu tiền cho thuê thiết bị	11,400,000	-
Cho thuê thiết bị	15,545,454	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng:		
Chi phí thi công sơn đường, vệ sinh mặt đường	306,222,727	-



Nguyễn Thị Khánh Phương
Người lập biểu
Ngày 18 tháng 07 năm 2017

Bùi Xuân Phước
Kế toán trưởng



Phạm Vũ Thực
Tổng Giám đốc